

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020) và Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 về công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 74/TTr-STP ngày 23/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 về công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 ngày 31/12/2020):

1. Sửa đổi mục I phần A như sau:

“I. Văn bản hết hiệu lực toàn bộ: 67 văn bản (25 nghị quyết; 42 quyết định)”.

2. Bỏ các văn bản tại: số thứ tự 01 lĩnh vực công thương; số thứ tự 02, 03 lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; số thứ tự 01 lĩnh vực Giao thông vận tải; số thứ tự 02, 03 lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư; số thứ tự 02, 06 lĩnh vực Văn hóa, Thể thao

và Du lịch ra khỏi Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ năm 2020.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 về công bố kết quả rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2020

1. Sửa đổi điểm a, điểm b và đoạn đầu khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Tổng văn bản được rà soát: 421 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh (*136 nghị quyết, 283 quyết định, 02 chỉ thị*); trong đó, 71 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 350 văn bản còn hiệu lực (*bao gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần và văn bản cần xử lý qua rà soát*), được lập thành 04 danh mục gồm:

a) Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ sau rà soát năm 2020: 71 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (*25 nghị quyết, 46 quyết định*) do đã được thay thế, sửa đổi, bãi bỏ bởi văn bản khác hoặc hết thời hạn thực hiện quy định tại văn bản; 0 văn bản ngưng hiệu lực toàn bộ. Trong đó, có 67 văn bản đã được công bố hết hiệu lực tại Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 28/01/2021.

b) Danh mục văn bản còn hiệu lực sau rà soát năm 2020: 350 văn bản (*111 nghị quyết, 237 quyết định, 02 chỉ thị*)”.

2. Sửa đổi Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ qua rà soát năm 2020 (*ban hành kèm theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 về công bố kết quả rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2020*), như sau:

a) Sửa đổi Mục A thành “A. Văn bản hết hiệu lực toàn bộ: 71 văn bản (25 nghị quyết; 46 quyết định)”

b) Bỏ các văn bản tại số thứ tự 01 lĩnh vực Công thương; số thứ tự 02, 03 lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; số thứ tự 01 lĩnh vực Giao thông vận tải; số thứ tự 02, 03 lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư; số thứ tự 02, 06 lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra khỏi Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ năm 2020.

3. Sửa đổi, bổ sung Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh còn hiệu lực qua rà soát năm 2020 (*ban hành kèm theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 về công bố kết quả rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2020*) như sau:

a) Bổ sung danh mục văn bản thuộc lĩnh vực Công thương “Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17/4/2014 của HDND tỉnh về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

b) Bổ sung vào danh mục văn bản thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo “Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của HĐND tỉnh về quy

hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025 và Nghị quyết số 126/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học tại điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND”.

c) Bổ sung vào danh mục văn bản thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải “Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh về quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

d) Bổ sung vào danh mục văn bản thuộc lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư “Nghị quyết số 137/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 153/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh về việc phát triển thủy lợi trong vùng cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025”.

e) Bổ sung vào danh mục văn bản thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch “Nghị quyết số 59/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HDND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 59/2012/NQ-HĐND”.

g) Bỏ văn bản tại số thứ tự 11 thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra khỏi Danh mục.

h) Sửa đổi dòng cuối cùng của Danh mục như sau:

“Tổng cộng: 350 văn bản (111 nghị quyết; 237 quyết định; 02 chỉ thị)”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Công báo tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- TT HĐND, UBND cấp xã
(UBND cấp huyện sao gửi);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn VP UBND tỉnh
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (S_20b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh